

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1715/2023/DS-ST

Ngày: 31/5/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Hương

2/ Ông Huỳnh Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 604/2022/TLST- DS ngày 13 tháng 7 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2122/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q

Trụ sở: phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nông Văn Tuấn (vắng mặt)

Ông Phạm Ngọc Tình (có mặt)

Ông Võ Văn Toàn (vắng mặt)

Ông Trần Ngọc Vũ (vắng mặt)

(Văn bản uỷ quyền số 047586.23 ngày 28/4/2023 của Ngân hàng thương mại cổ phần Q)

2/ Bị đơn: Ông Trần Anh T- sinh năm 1987

Địa chỉ: phường H, thành phố T1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2022 và lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Ngân hàng thương mại cổ phần Q - Chi nhánh Đ, phòng giao dịch Cách mạng tháng Tám đã cho ông Trần Anh T vay theo Hợp đồng tín dụng số 1019380.21 ngày 04/02/2021 với số tiền cho vay là 724.000.000 đồng; mục đích vay mua ô tô nhãn hiệu FORD RANGER, thời hạn vay 84 tháng (từ ngày 07/02/2021 đến ngày 06/02/2028), lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 9,1%/năm áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay, hết thời hạn này lãi suất điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng thương mại cổ phần Q tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn. Kế hoạch thanh toán nợ vay là trả gốc vào ngày 06 hàng tháng với số tiền 8.620.000 đồng, tháng cuối cùng trả 8.540.000 đồng, lãi trả vào ngày 06 hàng tháng. Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 724.000.000 đồng cho ông T theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 1019380 (1).21 vào ngày 06/02/2021.

Thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 07/12/2021 ông T đã thanh toán số tiền nợ gốc là 81.764.679 đồng và tiền lãi là 51.744.186 đồng, tổng cộng số tiền ông T đã thanh toán là 133.508.865 đồng. Sau đó, ông T ngưng không thanh toán khoản vay cho đến nay.

Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần Q, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Anh T trả ngay cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc và nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số 1019380.21 ngày 04/02/2021 với tổng số tiền tính đến hết ngày 31/5/2023 là 818.752.350 đồng, trong đó nợ gốc là 642.235.321 đồng, nợ lãi vay trong hạn là 24.167.374 đồng và nợ lãi quá hạn là 152.349.655 đồng và toàn bộ tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh từ ngày 01/6/2023 đến khi Ngân hàng thu hồi hết nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên.

Bảo đảm cho khoản vay, ông T có thể chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu FORD, số khung MNCUMFF60MW119792, số máy YN2QWM119792, biển kiểm soát 51D- 804.27. Tuy nhiên, ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản thế chấp trong vụ án này.

Ngân hàng thương mại cổ phần Q đang quản lý giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 51D- 804.27 do ông T đứng tên chủ sở hữu. Trường hợp ông T thanh toán đầy đủ khoản tiền còn nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng sẽ tiến hành các thủ tục để trả lại cho ông T giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 51D- 804.27 mà ngân hàng đang quản lý.

Ông Trần Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông T có hộ khẩu thường trú tại phường H, thành phố T1, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã bán nhà chuyển đi đâu không rõ từ khoảng tháng 8/2020. Do đó, có cơ sở xác định ông Trần Anh T có nơi cư trú cuối cùng tại thành phố Thủ Đức nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Trần Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bị đơn ông Trần Anh T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định ngày 04/02/2021 ông Trần Anh T và Ngân hàng thương mại cổ phần Q - chi nhánh Đ, phòng giao dịch Cách Mạng Tháng Tám đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 1019380.21, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 9,1%/năm áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay, hết thời hạn này lãi suất điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng thương mại cổ phần Q tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn. Theo đó, Ngân hàng đã cho ông T vay 724.000.000 đồng theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 1019380 (1).21 vào ngày 06/02/2021.

Xét thấy hình thức và nội dung thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Sau khi được Ngân hàng cho vay, tính đến ngày 07/12/2021 ông T đã thanh toán số tiền 133.508.865 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 81.764.679 đồng và tiền lãi là 51.744.186 đồng và ngưng không thanh toán cho đến nay.

Số tiền còn nợ tính đến hết ngày 31/5/2023 là 818.752.350 đồng, trong đó nợ gốc là 642.235.321 đồng, nợ lãi vay trong hạn là 24.167.374 đồng và nợ lãi quá hạn là 152.349.655 đồng. Do ông T đã vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng, không trả nợ đúng hạn nên nay Ngân hàng yêu cầu ông T thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ tính đến hết ngày 31/5/2023 là 818.752.350 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, ông Trần Anh T còn phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/6/2023 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Bảo đảm cho khoản vay, ông T có thể chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu FORD, số khung MNCUMFF60MW119792, số máy YN2QWM119792, biển kiểm soát 51D- 804.27. Tuy nhiên, ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản thế chấp nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Tuy nhiên, hiện nay Ngân hàng thương mại cổ phần Q đang quản lý giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 51D- 804.27 do ông T đứng tên chủ sở hữu và đang thế chấp cho Ngân hàng. Trường hợp ông T thanh toán đầy đủ khoản tiền còn nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm tiến hành các thủ tục để trả lại cho ông T giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 51D- 804.27 mà ngân hàng đang quản lý.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.562.571 đồng. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc ông Trần Anh T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền còn nợ tính đến hết ngày 31/5/2023 của Hợp đồng tín dụng số 1019380.21 ngày 04/02/2021 với tổng số tiền là 818.752.350 (tám trăm mười tám triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn ba trăm năm mươi) đồng, trong đó nợ gốc là 642.235.321 (sáu trăm bốn mươi hai triệu hai trăm ba mươi lăm ngàn ba trăm hai mươi một) đồng, nợ lãi vay trong hạn là 24.167.374 (hai mươi bốn triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn ba trăm bảy mươi bốn) đồng và nợ lãi quá hạn là 152.349.655 (một trăm năm mươi hai triệu ba trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm năm mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày 01/6/2023 cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Anh T còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên.

2/ Ngay sau khi ông Trần Anh T thanh toán xong số tiền nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có trách nhiệm trả lại cho ông Trần Anh T bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 51D-804.27

3/ Án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Anh T phải nộp 36.562.571 (ba mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm bảy mươi một) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí 15.182.806 (mười lăm triệu một trăm tám mươi hai ngàn tám trăm lẻ sáu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0027988 ngày 11/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Anh T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Thủy